

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/DS-ST
Ngày 28-6-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đinh Đắc Tư**;
2. Bà **Trần Thị Diễm Châu**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Lễ** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1962. Có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có Luật sư **Trần Hùng D**- Công ty L thuộc Đoàn luật sư thành phố C. Có mặt.

Địa chỉ: ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1982. Có mặt.

Bà **Trần Kim H**, sinh năm 1979. Có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện V

Đại diện theo ủy quyền ông **Lê Minh K**- Phó trưởng Phòng TNMT huyện Vĩnh Thạnh. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1979. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1984. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng:

Ông Phan Văn U', sinh năm 1950. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Trần Thị Thu T3. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày và yêu cầu như sau: Vào ngày 20/02/2022 bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Kim H với giá 200.000.000 đồng cho diện tích ngang 4m dài hết thửa đất số 189, có lập hợp đồng chuyển nhượng bằng giấy viết tay, nhưng không có thỏa thuận là loại đất gì, đã giao đủ tiền và đã nhận đất sử dụng. Sau khi mua đất xong bà tiến hành xây dựng nhà ở mà chưa xin phép chính quyền địa phương thì mới biết việc bị đơn giao thiếu đất cho bà dẫn đến việc xây dựng vô tình đã lấn chiếm phần đất của ông Nguyễn Văn K1 và bà Lê Thị Tuyết q đo đạc thực tế có diện tích 2.4m2 tại thửa đất số 188. Bà đã yêu cầu bị đơn thỏa thuận với ông K1 mua lại phần đất xây dựng lấn chiếm cho bà hoặc bồi thường cho bà việc giao đất thiếu diện tích nhưng bị đơn không đồng ý dẫn đến phát sinh tranh chấp. Nay bà yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy viết tay có tiêu đề “Giấy mua bán đất thổ cư” lập ngày 20/02/2022. Công nhận cho bà được quyền sử dụng phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 148m2 thuộc một phần thửa đất 189, bà đồng ý tự nguyện tháo dỡ di dời tài sản trên phần đất xây dựng lấn chiếm 2,4m2 để trả lại đất cho ông K1 và bà T2 theo quy định. Trường hợp, nếu Tòa án không đồng ý yêu cầu khởi kiện tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả lại số tiền nhận chuyển nhượng 200.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho bà 200.000.000 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Kim H trong quá trình giải quyết vụ án có yêu cầu phản tố như sau: Ông T1, bà H là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 189, diện tích 346m2 (CLN), tờ bản đồ số 36 (tách từ thửa đất số 174), tại ấp Q, xã T, huyện V, hiện do ông Nguyễn Văn T1 đang đứng tên trên sổ bộ địa chính. Đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02238, cấp ngày 08 tháng 7 năm 2022 cho ông Nguyễn Văn T1 đứng tên. Ông bà thừa nhận có chuyển nhượng đất cho bà Nguyễn Kim T diện tích ngang 4m dài hết thửa đất, với giá 200.000.000 đồng có làm hợp đồng bằng giấy viết tay có tiêu đề “Giấy mua

bán đất thổ cư” lập ngày 20/02/2022, cả hai không có thỏa thuận bán là loại đất gì. Tuy nhiên, ông bà khi bán đất không biết là đất bị xéo dẫn đến giao đất cho nguyên đơn không đủ diện tích như đã thỏa thuận, khi nguyên đơn tiến hành xây dựng nhà ở thì đã xây dựng lấn chiếm qua phần đất của ông K1 và yêu cầu ông bà bồi thường cho ông K1 nhưng ông bà không đồng ý dẫn đến các bên phát sinh tranh chấp. Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông bà không đồng ý và có đơn phản tố đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên buộc nguyên đơn trả lại đất cho ông bà và ông bà đồng ý trả lại số tiền đã nhận chuyển nhượng 200.000.000 đồng cho nguyên đơn và không đồng ý bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Đối với việc xây dựng lấn chiếm đất diện tích 2.4m² của ông K1 và bà T2 thì nguyên đơn phải là người có trách nhiệm tự tháo dỡ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn K1 và bà Lê Thị T2 trình bày: Ông K1 và vợ bà T2 là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 188 giáp ranh với thửa đất số 189 của bị đơn. Việc nguyên đơn và bị đơn tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông bà không có ý kiến gì. Tuy nhiên, đối với phần đất xây dựng lấn chiếm của ông bà có diện tích 2.4m² theo đo đạc thực tế thì đề nghị Tòa án xem xét buộc những người có trách nhiệm phải tháo dỡ di dời trả lại đất lấn chiếm. Ngoài ra ông bà không yêu cầu gì thêm.

Đại diện ủy ban nhân dân huyện V trình bày:

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Cần Thơ ông Lê Minh K có yêu cầu xét xử vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án có ý kiến trình bày như sau: Đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02238, cấp ngày 08 tháng 7 năm 2022 cho ông Nguyễn Văn T1, tại thửa đất số 189, diện tích 346m² (CLN), tờ bản đồ số 36, thì căn cứ hồ sơ trích lục đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng đối tượng, trình tự, thủ tục và theo quy định pháp luật. Theo quy định hiện hành được quy định tại Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 25/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C, thì diện tích tối thiểu được tách thửa đất với đất trồng cây lâu năm tại các xã thuộc huyện là 600m² trở lên. Cụ thể thửa đất 189 nêu trên với diện tích đất trồng cây lâu năm 148m² là không đủ điều kiện tách thửa theo quy định. Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của UBND huyện V là đề nghị tòa án thực hiện xét xử, hòa giải theo quy trình, thủ tục quy định và do bận công việc nên yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

Ông Phan Văn U và bà Trần Thị Thu T3 cùng có lời trình bày như sau: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn là có sự thật, ông bà biết vì có ký tên người làm chứng tại giấy viết tay có tiêu đề “Giấy mua bán đất thổ cư” lập ngày 20/02/2022, còn việc nguyên đơn và bị đơn giao nhận tiền chuyển nhượng với nhau như thế nào thì ông bà không biết, ngoài ra ông bà không biết gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, qua sự vận động hòa giải của Hội đồng xét xử, kiểm sát viên và cả luật sư của nguyên đơn thì các đương sự đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, đề xuất quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nguyên đơn bà Nguyễn Kim T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Kim H về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy viết tay có tiêu đề “Giấy mua bán đất thổ cư” lập ngày 20/02/2022. Nguyên đơn đồng ý tự nguyện giao trả lại phần đất cho bị đơn. Công nhận bị đơn đồng ý cùng chịu nhiệm liên đới trả lại cho nguyên đơn tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Trong đó, 200.000.000 đồng là tiền chuyển nhượng đất và 100.000.000 đồng là tiền hỗ trợ, bồi thường. Buộc nguyên đơn và bị đơn phải cùng có trách nhiệm tháo dỡ, di dời tài sản trên phần đất tranh chấp đã xây dựng lấn chiếm để trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K1 và bà Lê Thị Tuyết p đất có diện tích 2.4m² (được ký hiệu thửa 1881) thuộc một phần thửa đất số 188, đất tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim T khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký giữa bà T với bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Kim H nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Kim H có nơi cư trú tại ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện V, ông Nguyễn Văn K1, bà Lê Thị Tuyết . Người làm chứng ông Phan Văn U và bà Trần Thị Thu T3 tất cả đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy tại phiên tòa các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy viết tay có tiêu đề “Giấy mua bán đất thổ cư” lập ngày 20/02/2022. Nguyên đơn đồng ý giao trả lại phần đất cho bị đơn có diện tích 148.0m² (ký hiệu A) thuộc một phần thửa đất số 189 nêu trên. Bị đơn đồng ý trả lại cho nguyên đơn 200.000.000

đồng tiền nhận chuyển nhượng đất và 100.000.000 đồng tiền hỗ trợ, bồi thường. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, đối với phần đất mà nguyên đơn xây dựng lấn chiếm 2.4m² ký hiệu thửa đất số 1881 của ông Nguyễn Văn K1 và bà Lê Thị T2 vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa mà cần phải ban hành bản án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông K1 và bà T2.

[3] Về trách nhiệm tháo dỡ di dời tài sản trên đất xây dựng lấn chiếm để trả lại phần diện tích đất 2.4m² ký hiệu thửa đất số 1881 cho ông K1 và bà T2 thì nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được ai phải chịu trách nhiệm này. Xét thấy, việc xây dựng lấn chiếm 2,4m² đất của ông K1 và bà T2 qua đo đạc thực tế là có sự thật và cả nguyên đơn, bị đơn cũng đều thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cần buộc cả nguyên đơn là người có tài sản trên đất xây dựng lấn chiếm và bị đơn là chủ sử dụng đất phải cùng có trách nhiệm tháo dỡ di dời trả lại phần đất lấn chiếm cho ông K1 và bà T2 theo quy định tại Điều 175 và Điều 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013 là có cơ sở.

[4] Từ những nhận định phân tích nêu trên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nguyên đơn có trách nhiệm giao trả lại đất cho bị đơn, bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền 300.000.000 đồng. Đồng thời, cần buộc cả nguyên đơn, bị đơn cùng có trách nhiệm tháo dỡ di dời tài sản trả lại phần đất lấn chiếm 2.4m² cho ông K1 và bà T2 là có cơ sở.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, định giá và lệ phí bản vẽ địa chính là 8.000.000 đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng. Xét lỗi làm phát sinh vụ kiện là do lỗi của cả nguyên đơn và bị đơn nên nguyên đơn phải chịu 4.000.000 đồng, công nhận bà T đã nộp và chi xong. Bị đơn phải chịu 4.000.000 đồng để hoàn trả lại cho nguyên đơn được quy định tại Điều 155; 157; 158 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền 300.000.000 đồng phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng cũng như quan điểm về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; 26; 35; 39; 96; 147; 155; 157; 158; 165; 200; 227; 228; 229; 235; 254; 264; 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 170 và 203 của Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nguyên đơn bà Nguyễn Kim T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Kim H về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy viết tay có tiêu đề “Giấy mua bán đất thổ cư” lập ngày 20/02/2022 giữa bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Kim H.

Nguyên đơn bà Nguyễn Kim T đồng ý tự nguyện giao trả lại phần đất cho bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và Trần Kim H có diện tích 148.0m² (ký hiệu A) thuộc một phần thửa đất số 189, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 36, được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS02238 ngày 08/7/2022 do ông Nguyễn Văn T1 đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

2. Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Kim T và bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Kim H phải cùng có trách nhiệm tháo dỡ, di dời tài sản trên phần đất tranh chấp đã xây dựng lấn chiếm để trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K1 và bà Lê Thị Tuyết p đất có diện tích 2.4m² (được ký hiệu thửa 1881) thuộc một phần thửa đất số 188, đất tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

(Vị trí, kích thước, tài sản trên đất phải thi hành được căn cứ vào Bản trích đo địa chính số 228/2021 ngày 11/3/2024 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản cùng ngày 05/4/2023).

3. Công nhận ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Kim H đồng ý cùng chịu trách nhiệm liên đới trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Kim T tổng số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Trong đó, 200.000.000 đồng là tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 100.000.000 đồng là tiền hỗ trợ, bồi thường.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả tiền thì còn phải trả lãi suất phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim T phải chịu 4.000.000 đồng, công nhận nguyên đơn bà Nguyễn Kim T đã nộp và chi xong. Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Kim H phải chịu 4.000.000 đồng để chuyển trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Kim T.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim T tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà nguyên đơn đã nộp theo biên thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006556 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Công nhận nguyên đơn bà Nguyễn Kim T đã nộp xong.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Kim H phải chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Sau khi khấu trừ số tiền 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006895 ngày 31/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ thì bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Kim H còn phải nộp thêm số tiền án phí là 9.700.000 đồng (Chín triệu bảy trăm ngàn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Ánh Đào

